

Số: 1328528

|                                                | Kia New Seltos 1.5L Deluxe | Kia New Sonet 1.5 Premium |
|------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>639.000.000đ</b>        | <b>624.000.000đ</b>       |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                            |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645         | 4120 x 1790 x 1642        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                       | 2500                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                       | 5300                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                        | 205                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1234                       | 1095                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1690                       | 1580                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                        | 392                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                         | 45                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                          | 5                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước           | SX-LR trong nước          |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                            |                           |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5L           | Smartstream 1.5L          |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                       | 1497                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 113 Hp/ 6.300 rpm          | 113 / 6300                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 Nm/ 4.500 rpm          | 144 / 4500                |
| Hộp số                                         | Hộp số vô cấp CVT          | CVT                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)            | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson                  | MacPherson                |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng             | Thanh xoắn                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                        | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                        | Tang trống                |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17                 | 215/60 R16                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                        | 7.23                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                        | 5.51                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                        | 6.12                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                          |                           |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport           | Normal/Eco/Sport          |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand              | Snow/Mud/Sand             |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                            |                           |
| Cụm đèn trước                                  | Halogen                    | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                          | ●                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                          |                           |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                          |                           |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                          |                           |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                    | ●                         |
| Đèn sương mù                                   | Halogen                    | LED                       |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                    | LED                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                          | ●                         |
| Gạt mưa tự động                                | -                          |                           |
| Cửa sổ trời                                    | -                          | ●                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                            |                           |

|                                                 |                |              |
|-------------------------------------------------|----------------|--------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●              | ●            |
| Chất liệu ghế                                   | Da             | Da           |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | ●              |              |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | -              | ●            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -              |              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●              | ●            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | -              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -              |              |
| Tính năng cửa hít                               | -              |              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●              | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 4.2"           | TFT LCD 3.5" |
| Màn hình HUD                                    | -              |              |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10.25"         | AVN 10.25"   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●              | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●              | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | Tự động 2 vùng | 3            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●              | ●            |
| Chìa khóa thông minh                            | ●              | ●            |
| Khởi động nút bấm                               | ●              | ●            |
| Khởi động từ xa                                 | ●              | ●            |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa          | 6 Loa        |
| Lấy chuyển số                                   | -              |              |
| Sạc không dây Qi                                | -              | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                                | -              |              |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -              |              |
| Đèn trang trí nội thất                          | -              |              |
| Rèm che nắng                                    | -              |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●              |              |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                |              |
| Số túi khí                                      | 2              | 6            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●            |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              | ●            |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●            |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | -              |              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●              | Trước & Sau  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -              |              |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -              |              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -              |              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -              |              |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ● |
| Camera lùi                               | ● | ● |